

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/DS-PT

Ngày: 15-01-2021

V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

*Các Thẩm phán:* Ông Sỹ Danh Đạt;

Bà Huỳnh Kim Oanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 11/01/2021, 15/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 487/2020/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2020/DS-ST ngày 06/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 485/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp V, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thúy D, sinh năm 1963, địa chỉ: khóm B, thị trấn L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Dương Văn N, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp V, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

Tạm trú: Nhà nghỉ A, Quốc lộ 80, khóm B, thị trấn L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Ông Dương Văn N - Là bị đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Bà Đinh Thúy D (đại diện theo ủy quyền của bà H) trình bày: Bà Trương Thị H có cho ông Dương Văn N vay số tiền vốn 820.000.000đ, để xây dựng nhà trọ trên đất thuê của Thánh Thất Cao Đài. Bà H cho ông N vay 04 lần, cụ thể: Lần 1: Ngày 25/5/2011, vay số tiền 200.000.000đ; lần 2: Ngày 20/6/2011, vay số tiền 300.000.000đ; lần 3: Ngày 15/8/2011, vay số tiền 250.000.000đ; lần 4: Ngày 27/8/2011, vay số tiền 70.000.000đ.

Tất cả các lần vay đều có làm biên nhận nợ, do ông N viết và ký tên. Đến ngày 28/8/2011, ông N có làm biên nhận mới, biên nhận này do bà H viết, ông N có ký tên, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 05 năm, nếu ông N không hoàn trả số tiền đã vay thì ông N phải giao căn nhà trọ cho bà H. Bà H với ông N có làm tờ thỏa thuận ngày 27/12/2011, nội dung giao căn nhà trọ cho bà H quản lý, sử dụng. Biên nhận này do bà H viết, ông N ký tên và có Trưởng khóm là ông Phan Hoàng T xác nhận. Từ khi vay đến trước ngày 06/4/2015, ông N không trả được tiền vốn, lãi cho bà H và cũng không giao căn nhà trọ cho bà H quản lý. Lý do là ông N, bà H cùng đi chấp hành án phạt tù vào ngày 6/4/2015. Ngày 05/02/2017, bà H chấp hành án xong, còn ông N mới chấp hành án xong khoảng tháng 4/2019 nên không biết địa chỉ khởi kiện.

Nay bà H yêu cầu ông N trả số tiền vay còn nợ là 820.000.000đ và tiền lãi, cụ thể lãi được tính như sau: Số tiền vay 200.000.000đ, lãi suất là 1%/tháng, tính từ ngày 25/5/2011 đến ngày 05/4/2015, tiền lãi là 92.667.000đ; số tiền vay 300.000.000đ, lãi suất là 1%/tháng, tính từ ngày 20/6/2011 đến ngày 05/4/2015, tiền lãi là 136.500.000đ; số tiền vay 250.000.000đ, lãi suất là 1%/tháng, tính từ ngày 15/8/2011 đến ngày 05/4/2015, tiền lãi là 109.167.000đ; số tiền vay 70.000.000đ, lãi suất là 1%/tháng, tính từ ngày 27/8/2011 đến ngày 05/4/2015, tiền lãi là 30.286.000đ. Ngày 14/02/2020, bà H có khởi kiện bổ sung nay bà H rút lại một phần yêu cầu tính lãi.

Nay bà D yêu cầu ông N trả số tiền vay còn nợ vốn 820.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 05/4/2015 là 368.620.000đ, tổng cộng là 1.188.620.000đ.

- Ông Dương Văn N trình bày: Vào năm 2010, ông N có thuê đất của Thánh Thất Cao Đài mỗi năm 4.000.000đ, có làm giấy thỏa thuận, thuê để xây dựng nhà trọ. Đến cuối năm 2010, thì xây dựng xong nhà trọ. Trong lúc này thì giữa ông N với vợ ông N có mâu thuẫn, ông N mới nhờ bà H làm biên nhận nợ, việc ông N thiếu tiền của bà H để vợ ông N khởi lấy lại nhà trọ. Lúc này bà H đang làm thuê cho ông N, mỗi ngày là 150.000đ, làm thuê cho ông N từ năm 2011 đến nay. Bà H thuê nhà trọ của ông N từ năm 2015 đến tháng 4 năm 2019, mỗi tháng 15.000.000đ. Trong biên nhận ngày 25/5/2011, số tiền vay 200.000.000đ; biên nhận ngày 20/6/2011, số tiền vay 300.000.000đ; biên nhận ngày 15/8/2011, số tiền vay 250.000.000đ; biên nhận ngày 27/8/2011, số tiền vay 70.000.000đ. Ông N cho rằng chỉ làm biên nhận nợ tiền hợp thức hóa với bà H, còn thực tế thì ông N không có nhận tiền. Các biên nhận, tờ thỏa thuận này ai viết thì ông N không nhớ, viết tại đâu thì ông N không biết địa chỉ, còn chữ ký của trong biên nhận, tờ thỏa thuận này thì ông N cho rằng không phải chữ ký của ông N. Theo Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp là đúng chữ ký của ông N; ông N thống nhất không yêu cầu giám định lại chữ ký. Lý do ông N ký vào các biên nhận nợ tiền cho bà H, do ông N đi chấp hành án phạt tù nên sợ vợ của ông N lấy lại nhà trọ. Còn các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của ông N thì ông N không cung cấp được.

Nay ông N không đồng ý trả số tiền vay còn nợ vốn 820.000.000đ và tiền lãi 368.620.000đ cho bà H, do ông N có ký tên vào các biên nhận nợ tiền nhưng không có nhận tiền từ bà H.

- Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H yêu cầu ông Dương Văn N trả tiền vay còn nợ vốn 820.000.000đ, lãi 354.513.000đ, tổng cộng 1.174.513.000đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H yêu cầu ông Dương Văn N trả tiền lãi số tiền 352.339.000đ.

Buộc ông Dương Văn N trả lại cho bà Trương Thị H tiền vay còn nợ vốn 820.000.000đ, lãi 354.513.000đ, tổng cộng 1.174.513.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành

án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Văn N nộp 47.235.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Thị H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 29.713.000đ theo lai thu số 0009057 ngày 16/12/2019 và theo lai thu số 0009235 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Về chi phí giám định: Buộc ông Dương Văn N trả lại cho bà Trương Thị H tiền giám định 5.925.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 19/10/2020, ông Dương Văn N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bà Đinh Thúy D trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thỏa thuận được với ông Dương Văn N về giải quyết vụ án, không có cung cấp bổ sung chứng cứ mới và yêu cầu giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

+ Ông Dương Văn N trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cụ thể là không đồng ý trả cho bà H 1.174.513.000đ, vì không có vay tiền của bà H, đồng thời không cung cấp bổ sung chứng cứ mới.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp ý kiến về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Theo Kết luận giám định số 731/KL-KTHS ngày 10 tháng 8 năm 2020 của phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp thì chữ ký tên trên các biên nhận vay tiền ngày 25/5/2011, 20/6/2011, 15/8/2011, 27/8/2011, 28/8/2011

và tờ thỏa thuận ngày 27/12/2011 là của ông Dương Văn N. Ông N cho rằng ông viết các biên nhận vay tiền với bà H là nhằm mục đích trốn tránh việc chia tài sản chung với vợ ông, chứ thực chất ông không có nhận tiền của bà H, vì lúc này bà H là người làm thuê cho ông nên không có số tiền lớn như thế để cho ông vay nhưng ông không có chứng cứ chứng minh.

Bà H trình bày, tờ thỏa thuận ngày 27/12/2011 thể hiện nội dung ông N không có tiền trả nợ nên giao nhà nghỉ A cho bà H để trừ số tiền vay 820.000.000đ. Năm 2016 bà vào ở trong nhà nghỉ là để đảm bảo cho việc đòi nợ chứ thực chất ông N không có giao nhà nghỉ cho bà mà ông N cho bà Doãn Kim C thuê, bà không liên quan đến việc bà C thuê nhà nghỉ của ông N, bà yêu cầu ông N trả tiền đã vay cho bà. Tại phiên tòa bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông N trả 820.000.000đ tiền vay gốc, không yêu cầu tính lãi. Ông N vay tiền của bà H nhưng đến nay chưa trả, do đó bà H yêu cầu ông N trả 820.000.000đ là có căn cứ chấp nhận. Ông N có đơn xin miễn án phí, xét thấy ông N đã 67 tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định của pháp luật nên chấp nhận. Từ những phân tích nêu trên cho thấy kháng cáo của ông N là có căn cứ chấp nhận một phần. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông N, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà H khởi kiện đối với ông N, về việc yêu cầu trả tiền vay. Do đó, Tòa án huyện V thụ lý giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật. Ông N gửi đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên việc kháng cáo hợp lệ. Bà H ủy quyền cho bà D tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, thủ tục phù hợp nên chấp nhận.

[2] Nhận thấy, bà D yêu cầu ông N trả cho bà H số tiền vay 820.000.000đ và đã cung cấp chứng cứ là biên nhận ngày 28/8/2011, với nội dung là bà H có cho ông N vay tiền cất nhà (trên đất của Thánh thất Cao Đài) gồm: Ngày 25/5/2011 số tiền 200.000.000đ, ngày 20/6/2011 số tiền 300.000.000đ, ngày 15/8/2011 số tiền 250.000.000đ, ngày 27/8/2011 số tiền 70.000.000đ, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 05 năm và ông N ký tên người mượn tiền. Trên thực tế, bà H khởi kiện căn cứ vào biên nhận để chứng minh,

nhưng ông N không thừa nhận chữ ký tên nên Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện việc trưng cầu giám định chữ ký theo yêu cầu của bà D. Tại Kết luận giám định số 731/KL-KTHS ngày 10/8/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, xác định chữ ký tại mục người mượn tiền là chữ ký của ông Dương Văn N. Nay ông N thừa nhận có ký tên người mượn tiền, nhưng nguyên nhân ông làm biên nhận nợ này là do trước đây vợ chồng của ông xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung (ly thân), nên ông mới làm biên nhận nợ tiền của bà H để chứng minh còn nợ tiền cất nhà trọ, nhằm mục đích không cho vợ của ông lấy tài sản là căn nhà trọ. Vì vậy, ông N không đồng ý trả tiền cho bà H, vì không có nhận tiền như trình bày của bà D, nhưng ông N thừa nhận không có cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh. Qua nội dung trên cho thấy, việc giao dịch giữa bà H với ông N là hoàn toàn tự nguyện được lập thành văn bản thể hiện rõ ý chí của hai bên và cùng ký tên. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông N trả cho bà H số tiền vốn vay 820.000.000đ là có căn cứ, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N phần này.

[3] Đối với tiền lãi: Theo biên nhận ngày 28/8/2011, thì việc vay tiền có thỏa thuận mức lãi suất 2%/tháng, nhưng bà D cho rằng ông N chưa có thực hiện nghĩa vụ nộp lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà H trình bày khi khởi kiện có yêu cầu tính lãi số tiền vay, nhưng nay chỉ yêu cầu trả vốn không yêu cầu trả lãi, việc thay đổi một phần yêu cầu của bà H là hoàn toàn tự nguyện phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận. Do đó, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Đối với căn nhà của ông N (căn nhà mang tên là Nhà nghỉ A): Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N và bà H đều thừa nhận, trước đây hai bên có làm tờ thỏa thuận (ngày 27/12/2011) với nội dung là do ông N không có điều kiện trả nợ nên giao Nhà nghỉ A cho bà H để trừ số tiền 820.000.000đ và bà H chịu trách nhiệm trả tiền thuê đất cho Thánh thất Cao Đài, nhưng ông N không có thực hiện thỏa thuận này và sau đó ông N cho bà Doãn Kim C thuê cho đến nay (Văn bản ghi tiêu đề là Đơn cho thuê nhà nghỉ, do ông N và bà C cùng ký tên ngày 26/02/2015). Bà H cho rằng, bà Doãn Kim C (là mẹ của bà H) trực tiếp thuê căn nhà và bà H hoàn toàn không biết, không liên quan đến phần tiền vốn hoặc lãi mà bà H cho vay, nhưng sau khi bà H chấp hành xong hình phạt tù thì có về sống chung với bà C và hiện vẫn còn ở trong nhà này. Ông N cũng xác

định việc thuê nhà là do bà C ký hợp đồng, nay bà C đã chết và nếu có tranh chấp thì khởi kiện để giải quyết bằng vụ án khác.

Chi phí giám định: Kết quả giám định đã kết luận chữ ký trong biên nhận ngày 28/8/2011 là do ông N ký tên, nên phải chịu chi phí giám định 5.925.000đ và hoàn trả lại cho bà H là phù hợp.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N là người cao tuổi (67 tuổi) và có đơn xin miễn tiền án phí là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông N, sửa một phần bản án sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông N, sửa một phần bản án sơ thẩm (do bà H tự nguyện không yêu cầu trả lãi và đến cấp phúc thẩm thì ông N mới chịu nộp đơn xin miễn tiền án phí). Các phần không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Án phí phúc thẩm: Ông N không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, 35, khoản 1 Điều 147, 148, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn N.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị H.

Buộc ông Dương Văn N trả cho bà Trương Thị H số tiền 820.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

### 3. Về án phí:

Ông Dương Văn N được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Trương Thị H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 29.713.000đ theo biên lai thu số 0009057 ngày 16/12/2019 và theo biên lai thu số 0009235 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Về chi phí giám định: Buộc ông Dương Văn N trả cho bà Trương Thị H số tiền 5.925.000đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Phòng KTNV &THA - TAND Tỉnh;
- Lưu: VT, HSPA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Vạng**